TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 121/2018/DS-PT
Ngày 26-11-2018
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Minh Vỹ
Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thành Hiếu
Ông Phạm Trung Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Na – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hồ Điệp - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 103/2018/TLPT-DS ngày 08 tháng 10 năm 2018 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 34/2018/DS-ST ngày 24 tháng 8 năm 2018 của Toà án nhân dân thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 124/2018/QĐPT-DS ngày 25 tháng 10 năm 2018, Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 90/2018/QĐ-PT ngày 07 tháng 11 năm 2018 và Quyết định thay đổi người tiến hành tố tụng số 90/2018/QĐPT-DS ngày 23 tháng 11 năm 2018, giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Ông Lý Mộng K, sinh năm 1966.

Địa chỉ: Số 86K, tổ 6, khu phố B, phường L, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lưu Quang N, sinh năm 1978.

Địa chỉ: 55 N, phường P, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (Theo giấy ủy quyền ngày 13-11-2018) (có mặt).

2. Bị đơn: Ông Huỳnh Tấn T, sinh năm 1996.

HKTT: Ấp S, xã N, huyện C, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Địa chỉ: Ô3, tổ M, ấp Đ, xã H, thành phố B, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Phan Thị Ngọc L, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Ô3, tổ M, ấp Đ, xã H, thành phố B, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (Theo giấy ủy quyền ngày 15-11-2017) (có mặt).

3. Người có quyền lợi ,nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Phan Quốc P, sinh năm 1994 (vắng mặt, có đơn đề nghị xử vắng mặt).

3.2. Ông Phan Ngọc H, sinh năm 1971 (vắng mặt, có đơn đề nghị xử vắng mặt).

3.3. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1973 (có mặt).

Cùng địa chỉ: Tổ 13, Ô3, ấp Đ, xã H, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

4. Người làm chứng: Bà Nguyễn Thị Ngọc N, sinh năm 1969.

Địa chỉ: Tổ 1, Ô2, ấp B, xã H, thành phố B, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (vắng mặt).

5. Người kháng cáo: Ông Lý Mộng K – Nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Lý Mộng K trình bày:

Do có quen biết nên ngày 04-4-2017, ông Huỳnh Tấn T có hỏi mượn ông K số tiền 380.000.000 đồng, có làm hợp đồng vay tiền công chứng, thời hạn vay là 30 ngày, lãi suất do các bên tự thỏa thuận (Trong hợp đồng, công chứng viên ghi nhầm ngày ký hợp đồng là 04-4-2016, sau đó đã đính chính).

Cùng thời điểm ký hợp đồng vay tiền trên, ông K và ông T có ký giấy ủy quyền tại Phòng công chứng B với nội dung: Ông T ủy quyền cho ông K liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để thực hiện thủ tục xóa thế chấp, …, thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và các tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD 048074 do Ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) Bà Rịa cấp cho bà Phan Thị Ngọc L ngày 30-11-2010 và Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa bà L và ông T ngày 04-4-2017 tại Văn phòng công chứng B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Thời hạn ủy quyền: Cho đến khi hoàn thành công việc hoặc giấy ủy quyền hết hiệu lực theo quy định của pháp luật. Mục đích của việc ủy quyền này là để sau khi sang tên, ông K sẽ được giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để đảm bảo cho khoản vay theo Hợp đồng vay tiền ngày 04-4-2017 theo như thỏa thuận miệng giữa các bên.

Đến ngày 04-5-2017 thời hạn vay đã hết nhưng ông T không trả mà nhiều lần khất nợ, nên ông K khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông T phải thanh toán cho ông số tiền nợ gốc là 380.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định pháp luật từ ngày 04-4-2017 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 24-8-2018).

Bị đơn ông Huỳnh Tấn T (do bà Phan Thị Ngọc L đại diện) trình bày:

Theo Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự giữa bà Phan Thị Ngọc L, bà Nguyễn Thị T và Ngân hàng thương mại cổ phần V, bà L và bà T có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng số tiền 685.000.000 đồng. Do không có khả năng trả nợ nên bà L và bà T có hỏi vay tiền của ông K để trả nợ cho Ngân hàng. Ông K đồng ý cho vay với điều kiện số nợ này phải để cho con bà T là Phan Quốc P và con bà L là Huỳnh Tấn T đứng tên vay, đồng thời P và T phải đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để vay tiền ngân hàng trả nợ cho ông K, vì bà L và bà T không đứng tên vay tiền ngân hàng được nữa (do đã phát sinh nợ xấu). Các bên thống nhất thỏa thuận như vậy nên ngày 04-4-2017, ông K đã trả cho Ngân hàng thương mại cổ

phần V số tiền 685.000.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố B. Cùng ngày 04-4-2017, bà L và vợ chồng bà T, ông H lập hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất thửa 615, 616 tờ bản đồ 42 tọa lạc tại xã Hòa Long cho ông T và ông P. Ông T và ông P cũng lập giấy ủy quyền ngày 04-4-2017 cho ông K với nội dung đúng như ông K trình bày.

Tuy nhiên khi lập giấy vay tiền, ông K chia khoản nợ trên thành 02 giấy, 01 giấy Phan Quốc P đứng tên vay là 380.000.000 đồng, một giấy Huỳnh Tấn T đứng tên vay 380.000.000 đồng, tổng cộng là 760.000.000 đồng (trong đó, tiền gốc là 685.000.000 đồng, tiền lãi là 75.000.000 đồng). Ông K cam kết sau 30 ngày sẽ làm xong thủ tục sang tên cho ông P và ông T, sau đó, ông K sẽ giới thiệu ngân hàng cho ông P và ông T làm thủ tục vay tiền trả nợ cho ông K, bà T và bà L chịu phí dịch vụ. Sau khi ông K làm xong thủ tục sang tên quyền sử dụng đất cho ông P thì ông P đã vay ngân hàng được 450.000.000 đồng và ông K đã lấy hết số tiền này. Còn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông T thì ông K giữ, đến nay chưa liên hệ được Ngân hàng nào để vay tiền cho ông T.

Ngày 26-7-2017, bà L đã liên hệ với Ngân hàng Đ để vay tiền trả nợ cho ông K. Ngân hàng này đã đồng ý cho ông T vay 400.000.000 đồng nhưng ông K không giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T để ông T hoàn tất thủ tục vay. Vì thế, ông T không thể vay được tiền để trả nợ cho ông K. Bà L cho rằng ông K muốn ông T phải trả cho ông K 450.000.000 đồng như trường hợp của ông P nên khi Ngân hàng Đ chỉ cho ông T vay 400.000.000 đồng thì ông K không đồng ý giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T.

Nay, ông T chỉ đồng ý trả cho ông K 380.000.000 đồng nợ gốc, còn tiền lãi không đồng ý trả vì trong 380.000.000 đồng này đã có 37.500.000 đồng tiền lãi. Mặt khác, do ông K không giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T nên ông T mới khôngvay được tiền trả nợ cho ông K.

Ngày 13-3-2018, ông T có đơn phản tố yêu cầu ông K phải giao trả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD 048074 do Ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) B cấp cho bà Phan Thị Ngọc L ngày 30-11-2010, cập nhật tặng cho ông Huỳnh Tấn T ngày 03-5-2017.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T, ông Phan Quốc P, ông Phan Ngọc H trình bày:

Về việc thỏa thuận vay tiền, ký hợp đồng vay tiền, ký giấy ủy quyền giữa ông T, ông P với ông K vào ngày 04-4-2017 đúng như bà L đã trình bày. Vợ chồng bà T cũng đã ký hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất cho ông P để đứng tên vay tiền ngân hàng trả nợ cho ông K.

Ngày 24-9-2017, ông K đã làm thủ tục để ông P vay Ngân hàng Thương mại cổ phần V số tiền 450.000.000 đồng và ông K đã lấy hết số tiền này nhưng chỉ ghi giấy biên nhận 380.000.000 đồng, 70.000.000 đồng còn lại thì không ghi giấy. Đến ngày 29-9-2017, ông K làm văn bản thanh lý hợp đồng vay tiền với ông P.

Trước đó, ông K đã liên hệ với Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ vay tiền cho ông T nhưng sau đó ông K nói đợi làm xong hồ sơ của ông P rồi vay chung

luôn. Khi định giá tài sản thế chấp thì hồ sơ ông P vay được 450.000.000 đồng, còn hồ sơ ông T chỉ vay được 400.000.000 đồng. Do ông K muốn lấy của ông T 450.000.000 đồng như trường hợp của ông P nên không giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T làm thủ tục vay tiền.

- *Người làm chứng bà Nguyễn Thị Ngọc N trình bày*:

Bà là người giới thiệu ông K cho bà L và bà T vay tiền để trả nợ Ngân hàng, tiền hoa hồng là 15.000.000 đồng. Bà N xác nhận ông K đã thay bà T và bà L trả nợ cho Ngân hàng V số tiền 685.000.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố B. Số tiền này ông K chia thành 02 khoản, 01 khoản 380.000.000 đồng Phan Quốc P đứng tên vay, 01 khoản 380.000.000 đồng Huỳnh Tấn T đứng tên vay. Sau khi ông P và ông T ủy quyền cho ông K làm thủ tục sang tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất xong thì ông K đã liên hệ ngân hàng để vay tiền, hồ sơ của P vay được 450.000.000 đồng và ông K lấy hết mà không trả tiền hoa hồng cho bà. Còn hồ sơ ông T thì ông K cũng đã liên hệ nhiều ngân hàng nhưng không vay được số tiền như mong muốn. Bà L vì sợ phải trả lãi nhiều nên đã chủ động liên hệ và được Ngân hàng Đ đồng ý cho vay 400.000.000 đồng. Bà L đã nhờ bà gọi điện thoại cho ông K nói ông K giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà L làm thủ tục thế chấp vay tiền trả nợ ông K nhưng ông K không đồng ý.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 34/2018/DS-ST ngày 24 tháng 8 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa, đã căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 166, 463, 464, 465, 466, 468 Bộ luật dân sự; Điều 5, Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án; khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lý Mộng K, buộc ông Huỳnh Tấn T phải trả cho ông Lý Mộng K số nợ gốc là 380.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn tính từ ngày 04-4-2017 đến ngày 04-5-2017 là 3.167.000 đồng, lãi quá hạn tính từ ngày 05-5-2017 đến ngày 26-7-2017 là 12.825.000 đồng. Tổng cộng cả gốc và lãi là 395.992.000 đồng.

2. Không chấp nhận yêu cầu về tiền lãi từ ngày 27-7-2017 đến ngày 24-8-2018 là 61.275.000 đồng của ông Lý Mộng K.

3. Chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Huỳnh Tấn T, buộc ông Lý Mộng K phải hoàn trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD 048074 do Ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) B cấp cho bà Phan Thị Ngọc L ngày 30-11-2010, chỉnh lý tặng cho ông Huỳnh Tấn T ngày 03-5-2017.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất chậm thi hành án, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 06-9-2018, nguyên đơn ông Lý Mộng K có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng buộc ông Huỳnh Tấn T trả cho ông khoản tiền lãi từ ngày 27-7-2017 đến ngày 24-8-2018 là 61.275.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn ông Lý Mộng K vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo.

- Bị đơn ông Huỳnh Tấn T (do bà Phan Thị Ngọc L đại diện) đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm. Bà L cũng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét khấu trừ khoản tiền lãi mà ông T phải trả vào số tiền nợ gốc 380.000.000 đồng vì trong số tiền nợ gốc đã bao gồm khoản tiền lãi là 37.500.000 đồng.

- Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và không bổ sung thêm chứng cứ nào khác.

- Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Đơn kháng cáo của ông Lý Mộng K phù hợp quy định tại Điều 272 Bộ luật tố tụng dân sự và nộp trong thời hạn luật định. Những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng và đầy đủ trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định. Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Lý Mộng K, sửa bản án sơ thẩm theo hướng buộc ông Huỳnh Tấn T phải trả cho ông Lý Mộng K khoản tiền lãi từ ngày 27-7-2017 đến ngày xét xử sơ thẩm với số tiền là 61.275.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, trên cơ sở kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]*Về tố tụng*:

Đơn kháng cáo của ông Lý Mộng K đảm bảo yêu cầu theo quy định tại Điều 272 và nộp trong thời hạn quy định tại Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự nên được chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Ông Lý Mộng K, ông Huỳnh Tấn T, ông Phan Ngọc H, ông Phan Quốc P và bà Nguyễn Thị Ngọc N vắng mặt tại phiên tòa phúc thẩm. Ông K và ông T đã có người đại diện theo ủy quyền có mặt tại phiên tòa, ông H và ông P đã có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, còn bà N đã có lời khai tại hồ sơ vụ án. Do vậy, căn cứ Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt những người nêu trên.

[2] *Về nội dung*:

[2.1] *Về khoản nợ gốc*:

Ông Lý Mộng K yêu cầu Tòa án buộc ông Huỳnh Tấn T trả khoản tiền nợ gốc là 380.000.000 đồng, theo hợp đồng vay tiền đã ký giữa hai bên vào ngày 04-4-2017. Tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm, ông K khẳng định khoản tiền nợ này không liên quan gì đến khoản tiền 685.000.000 đồng mà ông đã nộp thay cho bà T và bà L tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B vào ngày 04-4-2017 để thanh toán nợ cho Ngân hàng. Tuy nhiên, tại biên bản lấy lời khai ngày 04-6-2018 (Bl 61, 62), ông K thừa nhận khoản nợ 380.000.000 đồng của ông T chính là khoản tiền

ông đã trả nợ thay cho bà L và bà T tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B ngày 04-4-2017. Do phần của bà T đã trả xong nên hiện nay ông K chỉ kiện đòi ông T phần còn lại. Lời khai này của ông K hoàn toàn phù hợp với lời khai của ông T (do bà L đại diện), lời khai của bà T, ông K, ông P và người làm chứng là bà N. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông N (là người đại diện của ông K) cũng xác nhận ngoài lời khai thừa nhận của bị đơn, ông K không còn chứng cứ nào khác chứng minh đã giao khoản tiền 380.000.000 đồng trên cho ông T và ông K không có yêu cầu gì đối với khoản tiền 685.000.000 đồng đã trả nợ thay cho bà T và bà L.

Còn ông T thừa nhận có ký hợp đồng vay tiền ông K với số tiền vay là 380.000.000 đồng vào ngày 04-4-2017, nhưng khoản tiền được tách ra từ khoản nợ gốc và lãi của số tiền 685.000.000 đồng mà ông K đã trả nợ thay cho bà L và bà T, không có việc ông K giao cho ông T 380.000.000 đồng nào khác. Ông K cũng xác nhận đồng ý trả khoản nợ này cho ông K. Lời khai của ông T phù hợp với chứng cứ ông cung cấp cho Tòa án là hợp đồng vay tiền, hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất, giấy ủy quyền và biên lai thu tiền của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tất cả đều lập cùng ngày 04-4-2017, phù hợp với lời khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng.

Do vậy, Hội đồng xét xử có căn cứ kết luận việc ông T vay ông K số tiền 380.000.000 đồng là có thật và khoản nợ này được tách ra từ khoản tiền 685.000.000 đồng mà ông K đã trả nợ thay cho bà L và bà T tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B. Ông T cũng đồng ý trả khoản nợ gốc này cho ông K, nên cấp sơ thẩm buộc ông T trả cho ông K số tiền nợ gốc 380.000.000 đồng là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật. Các đương sự không kháng cáo đối với phần quyết định này nên cần giữ nguyên như bản án sơ thẩm.

[2.2] *Về tiền lãi:*

[2.2.1] *Đối với khoản tiền lãi từ ngày 04-4-2017 đến ngày 26-7-2017.*

Cấp sơ thẩm chấp nhận tính lãi đối với khoản vay trên theo quy định tại khoản 5 Điều 466 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015, là có căn cứ và phù hợp quy định của pháp luật, cụ thể:

- Lãi trong hạn: Tính từ ngày 04-4-2017 đến ngày 04-5-2017, lãi suất là 10%/năm, tương đương 0,8333%/tháng, thành tiền: 380.000.000 đồng x 0,8333%/tháng x 01 tháng = 3.167.000 đồng.

- Lãi quá hạn: Tính từ ngày 05-5-2017 đến ngày 26-7-2017, lãi suất là 15%/năm, tương đương 1,25%/tháng (150% của lãi suất trong hạn), thành tiền: 380.000.000 đồng x 1,25%/tháng x 02 tháng 21 ngày = 12.825.000 đồng.

Tổng số tiền lãi ông T phải trả cho ông K là 15.992.000 đồng.

[2.2.2] Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện bị đơn bà L đề nghị Hội đồng xét xử khấu trừ khoản tiền lãi trên vào số tiền nợ gốc 380.000.000 đồng vì trong số tiền nợ gốc này đã bao gồm tiền lãi. Tuy nhiên, bà L cũng xác nhận nhận không xác định được số tiền lãi đã trả là bao nhiêu vì trong số tiền 380.000.000 đồng trên bao gồm cả tiền nợ gốc, tiền lãi và tiền công dịch vụ làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tại cấp sơ thẩm, bị đơn không yêu cầu giải quyết vấn đề này và cũng không kháng cáo

đối với bản án sơ thẩm về nội dung này nên cấp phúc thẩm không có căn cứ để xem xét yêu cầu này của bị đơn.

[2.2.3] *Đối với khoản tiền lãi từ ngày 27-7-2017 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 24-8-2018):*

Căn cứ lời khai và chứng cứ do đại diện bị đơn cung cấp (Bl 43-54), lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (Bl 70-71), lời khai của người làm chứng (Bl 62a) và văn bản trả lời của Ngân hàng thương mại cổ phần Đ chi nhánh B (Bl 87), Hội đồng xét xử có căn cứ kết luận: Ngày 26-7-2017, ông T đã làm thủ tục vay tiền tại Ngân hàng thương mại cổ phần Đ, chi nhánh B và đã được Ngân hàng này đồng ý cho vay số tiền 400.000.000 đồng. Ngân hàng đã dự thảo hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp tài sản, định giá tài sản thế chấp theo đúng trình tự, thủ tục và giao cho ông T để hoàn tất thủ tục thế chấp thì sẽ giải ngân vốn vay. Số tiền 400.000.000 đồng này đủ để trả khoản nợ gốc và lãi cho ông K theo hợp đồng vay tiền ngày 04-4-2017. Tuy nhiên, khi ông T thông báo sự việc trên và yêu cầu ông K giao bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông T để hoàn tất thủ tục vay thì ông K không đồng ý (việc này được người làm chứng Nguyễn Thị Ngọc N xác nhận). Do không có bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để giao cho Ngân hàng nên ông T không thể hoàn tất thủ tục vay tiền và Ngân hàng không giải ngân số tiền 400.000.000 đồng cho ông T để trả nợ cho ông K.

Xét thấy, tại Giấy ủy quyền ngày 04-4-2017 (Bl 32), các bên thỏa thuận ông K được nhận giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nhưng thời hạn ủy quyền chỉ đến khi hoàn thành công việc hoặc giấy ủy quyền hết hiệu lực theo quy định của pháp luật. Ngày 03-5-2017, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố B xác nhận việc chuyển nhượng đất từ bà L sang cho ông T, nghĩa là việc ông T ủy quyền cho ông K đã hoàn thành. Giữa ông T và ông K không thỏa thuận việc thế chấp tài sản. Do vậy, việc ông K giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông T là không có căn cứ pháp lý. Khi ông T yêu cầu ông K trả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng ông K không trả là đã vi phạm nghĩa vụ giao vật theo Điều 356 Bộ luật dân sự. Tại khoản 3 Điều 356 Bộ luật dân sự quy định: "*Trường hợp việc vi phạm nghĩa vụ quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này mà gây thiệt hại cho bên bị vi phạm thì bên vi phạm phải bồi thường thiệt hại"*. Trong vụ án này, việc ông K vi phạm nghĩa vụ giao trả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là nguyên nhân trực tiếp dẫn đến việc ông T không vay được tiền của Ngân hàng. Thiệt hại mà ông T phải gánh chịu chính là khoản tiền lãi phải trả cho ông K từ sau ngày 26-7-2017. Do vậy, cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của ông K về việc buộc ông T trả khoản tiền lãi phát sinh do chính lỗi của ông K là phù hợp quy định tại Điều 356 Bộ luật dân sự nêu trên. Kháng cáo của ông K là không có căn cứ nên không được chấp nhận.

[2.3] *Về yêu cầu phản tố của bị đơn:* Cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn là có căn cứ và phù hợp với phân tích tại mục [2.2.3] của Hội đồng xét xử. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông N cũng xác nhận ông K đồng ý trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T. Do vậy, cần giữ nguyên quyết định này của bản án sơ thẩm.

[3] *Về án phí:*

- *Án phí dân sự sơ thẩm*: Ông T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải trả cho nguyên đơn là 395.992.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Ông K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền lãi yêu cầu T trả nhưng không được Tòa án chấp nhận là 61.275.000 đồng và án phí dân sự không có giá ngạch đối với phần yêu cầu phản tố của bị đơn, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

- *Án phí dân sự phúc thẩm*: Ông K phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾTĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Lý Mộng K, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm:

Căn cứ khoản 3 điều 26, điểm a khoản 1 điều 35, Điều 36, Điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 217, Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 166, 356, 463, 464, 465, 466, 468 Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 26, Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lý Mộng K; buộc ông Huỳnh Tấn T phải trả cho ông Lý Mộng K tổng số tiền 395.992.000 (ba trăm chín lăm triệu, chín trăm chín mươi hai ngàn) đồng, trong đó: Nợ gốc là 380.000.000 đồng, lãi trong hạn tính từ ngày 04-4-2017 đến ngày 04-5-2017 là 3.167.000 đồng, lãi quá hạn tính từ ngày 05-5-2017 đến ngày 26-7-2017 là 12.825.000 đồng.

2. Không chấp nhận yêu cầu của ông Lý Mộng K về việc yêu cầu ông Huỳnh Tấn T trả khoản tiền lãi từ ngày 27-7-2017 đến ngày 24-8-2018 là 61.275.000 (sáu mươi mốt triệu hai trăm bảy mươi lăm ngàn) đồng.

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì bên phải thi hành án còn phải trả cho bên được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3. Chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Huỳnh Tấn T, buộc ông Lý Mộng K phải hoàn trả cho ông Huỳnh Tấn T 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD 048074 do Ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) B cấp cho bà Phan Thị Ngọc L ngày 30-11-2010 đối với thửa đất số 616 tờ bản đồ 42, diện tích 355,6m^2 (trong đó có 50 m^2 đất ở tại nông thôn) tọa lạc tại xã H, thành phố B, được chỉnh lý tặng cho ông Huỳnh Tấn T ngày 03-5-2017.

4. Về án phí sơ thẩm:

- Ông Lý Mộng K phải nộp 3.063.750 (ba triệu không trăm sáu mươi ba ngàn bảy trăm năm mươi) đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch và 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch, được khấu trừ vào số tiền

11.111.000 (mười một triệu một trăm mười một ngàn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0009861 ngày 27-10-2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B. Ông K được hoàn trả số tiền 7.747.250 (bảy triệu bảy trăm bốn mươi bảy ngàn hai trăm năm mươi) đồng tạm ứng án phí đã nộp.

- Ông Huỳnh Tấn T phải nộp 19.799.600 (mười chín triệu bảy trăm chín mươi chín ngàn sáu trăm) đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0001275 ngày 21-3-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu. Như vậy, ông T còn phải nộp 19.499.600 (mười chín triệu bốn trăm chín mươi chín ngàn sáu trăm) đồng án phí sơ thẩm.

5. Về án phí phúc thẩm: Ông Lý Mộng K phải nộp 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ số tiền 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0004880 ngày 07-9-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu.

6. Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7,và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh BR-VT;
- TAND Tp. Bà Rịa, tỉnh BR-VT;
- VKSND Tp. Bà Rịa, tỉnh BR-VT;
- Chi cục THADS Tp Bà Rịa, tỉnh BR-VT;
- Các đương sự;
- Lưu: Tòa Dân sự, Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(ĐÃ KÝ)

Cao Minh Vỹ